



zhàn sǐ

战死

verb · die in battle, be killed in action

Example Sentences

Hěn duō shì bīng zài zhàn chǎng shàng zhàn sǐ le
很多士兵在战场上战死了。

Many soldiers died in battle on the battlefield.

Tā nìng yuàn zhàn sǐ yě bù yuàn yì tóu xiáng dāng fú lǚ
他宁愿战死，也不愿意投降当俘虏。

He would rather die in battle than surrender and become a prisoner.

Trace each character, then write the word on your own.

战	战	战	战	战	战	战	战	战	战
战									

死 死 死 死 死 死 死 死 死